TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-12-2018
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sơn Mứt

2. Ông Nguyễn Văn Thiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Điệp – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Phượng H, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Tổ 07, ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Thanh T, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Tổ 09, ấp B, xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 5 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn Lê Phượng H trình bày:

Chị và anh Lê Thanh T qua tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có làm lễ cưới theo phong tục vào ngày 19/4/2009 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 17/11/2009. Sau khi kết hôn, chị về sống với gia đình bên chồng. Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó anh T không quan tâm đến vợ con, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị và anh T đã ly thân từ ngày 01/6/2017 đến nay. Chị nhận thấy đời sống hôn nhân giữa chị và anh T không thể kéo dài, cả hai không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Lê Cẩm N, sinh ngày 09/11/2009, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu N.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn Lê Thanh T mặc dù đã được Tòa án tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 147/TB-TLVA ngày 07/6/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 811/ TB-TA ngày 17/7/2018; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 1007/TB-TA ngày 08/8/2018; Thông báo về việc yêu cầu cung cấp chứng cứ số 1183/TB-TA ngày 09/10/2018 nhưng anh T không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Lê Phượng H.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Lê Phượng H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về hôn nhân yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh T; về con chung yêu cầu được nuôi cháu Lê Cẩm N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Lê Thanh T vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 21/11/2018, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, anh Lê Thanh T đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh T đã được tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, anh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập hai lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Phượng H và anh Lê Thanh T qua quen biết tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 122 quyển số 02 ngày 17/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống theo lời trình bày của chị H thì thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh T không quan tâm đến gia đình và có quan hệ tình cảm bất chính với người phụ nữ khác, cả hai đã sống ly thân từ ngày 01/6/2017 đến nay. Giữa chị H và anh T có lập Tờ thỏa thuận ly dị vào tháng 10/2017, có sự chứng kiến của cha anh T là ông Lê Văn T và cha chị H là ông Lê Nhựt H. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án trình bày ý kiến về tình trạng hôn nhân hiện nay cũng như ý kiến đối với lời trình bày của chị H nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Như vậy, chị H và anh T đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Giữa chị H và anh T có một con chung là cháu Lê Cẩm N, sinh ngày 09/11/2009. Hiện cháu N sống chung với chị H tại xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Chị H yêu cầu được nuôi cháu Cẩm N, hiện chị H làm thuê, thu nhập ổn định mỗi tháng 4.000.000 đồng, đủ

điều kiện kinh tế để nuôi cháu Cẩm Nh. Tại Bản tự khai ngày 14/5/2018, cháu Cẩm N cũng có nguyện vọng được sống chung với chị H. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu của chị H về con chung nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận để chị H được trực tiếp nuôi cháu Cẩm N. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Cẩm N mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng cho con: Do chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho cháu Cẩm N nên anh T chưa phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết, chị H và anh T được quyền khởi kiện một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tỏa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Phượng H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Phượng H được ly hôn với anh Lê Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Cẩm N, sinh ngày 09/11/2011 cho chị Lê Phượng H được trực tiếp nuôi, anh Lê Thanh T chưa phải cấp dưỡng cho cháu Cẩm N.

Anh Lê Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Cẩm N mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Phượng H và anh Lê Thanh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết, chị H và anh T được

quyền khởi kiện một vụ kiện khác về chia tài sản chung và nợ chung khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Phượng H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0009151ngày 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, chị H đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01
- VKSND TX.Bình Minh: 01
- Chi cục THADS TX.Bình Minh: 01
- Ủy ban nhân dân xã Thuận An: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

Trần Quốc Huy